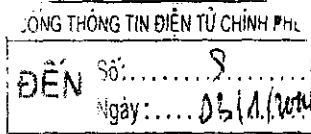


Số: 97 /2013/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định chức danh, mức phụ cấp, số lượng
người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn
và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chức danh, mức phụ cấp, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam, như sau:

1. Đối với cấp xã:

a) Chức danh, mức phụ cấp:

(Mức phụ cấp tính bằng: Hệ số $\times$ mức lương tối thiểu chung)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (theo hệ số)
1	Phó Ban Tuyên giáo Đảng ủy	0,20
2	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	0,20
3	Phó trưởng công an thứ 2 (được bố trí ở xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự và xã, thị trấn loại 2 có trên 10.000 dân)	1,20
4	Văn phòng Đảng ủy	1,40
5	Trưởng Đài truyền thanh	1,00
6	Nhân viên Đài truyền thanh	0,80



7	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc	0,50
8	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,50
9	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	0,50
10	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,50
11	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,50
12	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,40
13	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,40
14	Chủ tịch Hội Khuyến học	0,40
15	Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	0,40
16	Chủ tịch Hội cựu Thanh niên xung phong	0,40
17	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ (thuộc xã, thị trấn loại 3)	0,80
18	Công an viên thường trực 24/24 tại trụ sở CA xã, thị trấn	0,90
19	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân	0,40
20	Phó Chủ tịch MTTQ (thứ 2)	0,50
21	Trưởng ban Bảo vệ dân phố thuộc phường TP Phú Lý	0,60
22	Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố thuộc phường TP Phú Lý	0,50

- Chức danh Phó trưởng công an thứ hai chỉ bố trí ở những xã, thị trấn trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự và xã, thị trấn loại 2 có trên 10.000 dân. Không bố trí Phó trưởng công an thứ 2; Công an viên thường trực 24/24 ở phường thuộc thành phố Phú Lý.

- Không bố trí chức danh Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ ở xã loại 1, loại 2 và phường thuộc thành phố Phú Lý.

- Không bố trí chức danh Phó Chủ tịch Hội nông dân ở các phường thuộc thành phố Phú Lý không có tổ chức Hội nông dân.

b) Số lượng:

- Mỗi xã, thị trấn loại 1, loại 2 được bố trí không quá 13 người, đảm nhận 18 đến 19 chức danh được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này.

- Mỗi xã, thị trấn loại 3 được bố trí không quá 13 người, đảm nhận 19 đến 20 chức danh được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này.

- Mỗi phường thuộc thành phố Phú Lý được bố trí không quá 11 người, đảm nhận 19 chức danh được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này.

2. Đối với thôn, tổ dân phố:

a) Chức danh, mức phụ cấp:

(Mức phụ cấp tính bằng: Hệ số $\times$ mức lương tối thiểu chung)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (Theo hệ số)
1	Thôn thuộc xã, thị trấn	
1.1	Bí thư chi bộ	0,80
1.2	Trưởng thôn	0,80
1.3	Công an viên	0,60
1.4	Phó thôn	0,50
1.5	Nhân viên Y tế	0,30
1.6	Thôn đội trưởng	0,62
1.7	Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,10
2	Tổ dân phố thuộc thị trấn	

2.1	Bí thư chi bộ	0,70
2.2	Tổ trưởng tổ dân phố	0,70
2.3	Công an viên	0,60
2.4	Tổ phó tổ dân phố	0,40
2.5	Tổ đội trưởng	0,62
2.6	Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,10
3	Tổ dân phố ở phường	
3.1	Bí thư chi bộ	0,50
3.2	Tổ trưởng Tổ dân phố	0,50
3.3	Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố (bố trí ở cụm dân cư)	0,45
3.4	Tổ phó tổ bảo vệ dân phố (bố trí ở cụm dân cư)	0,35
3.5	Tổ viên tổ bảo vệ dân phố	0,30
3.6	Tổ đội trưởng	0,62
3.7	Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,10

b) Số lượng:

- Mỗi Thôn loại 1, loại 2 thuộc xã, thị trấn được bố trí 03 người, đảm nhận 07 chức danh được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này. Trường hợp đặc biệt được bố trí 4 người. Thôn loại 3 thuộc xã, thị trấn được bố trí 03 người, đảm nhận 06 chức danh được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này, (không bố trí Phó thôn).

- Mỗi Tổ dân phố thuộc thị trấn được bố trí 03 người, đảm nhận 06 chức danh, được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

- Mỗi Tổ dân phố thuộc phường, thành phố Phủ Lý được bố trí 03 người, đảm nhận 05 chức danh, được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

Mỗi cụm dân cư (theo địa bàn công tác của cảnh sát khu vực) được bố trí 01 Tổ Trưởng tổ bảo vệ dân phố; 01 Tổ phó tổ bảo vệ dân phố, được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

3. Chế độ bảo hiểm y tế:

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức phụ cấp hàng tháng theo quy định của pháp luật hiện hành (trừ những trường hợp đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế).

4. Kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội ở cấp xã và Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố:

a) Mỗi tổ chức chính trị xã hội ở xã, phường, thị trấn được hỗ trợ: 06 triệu đồng/năm;

b) Mỗi Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố được hỗ trợ: 04 triệu đồng/năm.

5. Nguồn kinh phí:

1. Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố từ nguồn khoản quỹ phụ cấp ngân sách Trung ương;

2. Kinh phí hỗ trợ hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố từ nguồn ngân sách địa phương;

3. Các nguồn kinh phí được cân đối, bố trí trong dự toán giao hàng năm cho ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Kiểm nhiệm chức danh.

a) Cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, để đảm bảo không vượt quá số lượng người được quy định tại Điểm b, Khoản 1; Điểm b Khoản 2, Điều 1, Quyết định này và căn cứ tình hình thực tế ở mỗi địa phương để bố trí việc kiêm nhiệm chức danh cho phù hợp;

b) Cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh nào được hưởng 100% phụ cấp của chức danh đó. Nếu kiêm nhiệm nhiều chức danh thì cũng được hưởng 100% phụ cấp của các chức danh kiêm nhiệm cộng dồn.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế các Quyết định sau:

Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố;

Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 10/01/2008 của UBND tỉnh về mô hình tổ chức và mức phụ cấp hàng tháng đối với Bảo vệ dân phố tỉnh Hà Nam;

Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung lực lượng Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng mức phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, xóm, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn trong tỉnh;

Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh về chế độ phụ cấp đối với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, xóm, tổ dân phố; các văn bản quy định khác trái với Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Giao Sở Nội vụ kiểm tra, theo dõi việc thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định; làm đầu mối tiếp nhận các kiến nghị hoặc vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *U*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Như Điều 3;
- LĐVP, NC, KTTH, Công báo;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Mai Tiên Dũng